

Số: 69 /QĐ-MN13

Tân Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 13

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về qui định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 5035/UBND-NX ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện, phân loại hàng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Hướng dẫn 05/HD-UBND ngày 15/7/2020 của UBND quận Tân Bình về đánh giá phân loại hàng quý đối với người được tuyển dụng vào làm việc trong cơ quan

hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và NĐ 161/2018/CĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 180/2018/UBND – VX ngày 13/01/2020 của UBND Tp.HCM về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ – HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2018 của HĐND thành phố cho người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ – CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ và người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Văn bản số 2782/UBND-NV ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thực hiện, phân loại hằng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc 3 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non 13 giai đoạn 2023 - 2025;

Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ biên bản họp toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động Trường mầm non 13 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 ngày 26 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hiệu trưởng Trường Mầm non 13.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của trường Mầm non 13;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

Điều 3. Toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tân Bình;
- Phòng TC-KH Tân Bình;
- Kho Bạc NN Tân Bình;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thiệu Hoa



QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024
(Ban hành theo Quyết định số: 69/QĐ-MN13 ngày 27/12/2023)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Những quy định chung

Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng tại trường Mầm non 13 là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Mức tự đảm bảo chi thường xuyên 28,44 % thuộc nhóm 3 (có mức tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên).

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ hàng năm bao gồm các nguồn tài chính quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 (phần được để lại để chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí) và khoản 5 Điều 15 Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đơn vị và toàn thể viên chức, người lao động của đơn vị.

Điều 2. Mục đích xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động của Trường.

2. Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

4. Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

5. Sử dụng nguồn tài chính của trường đúng mục đích, có hiệu quả.
6. Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc, nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

1. Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo trong hành lang pháp lý

Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng cơ quan ban hành sau khi tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, công khai trong đơn vị và có ý kiến thống nhất của tổ chức Công đoàn đơn vị. Quy chế chính thức phải được thông qua tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi đến Cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát thực hiện đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi theo Thông tư 62/2020/TT-BTC.

3. Nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất trong Trường, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm có hiệu quả, tăng cường công tác quản lý và phù hợp với hoạt động đặc thù của Trường.

4. Thủ trưởng được quyết định mức chi quản lý và chi nghiệp vụ cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính hiện có của nhà trường đối với các nguồn thu sự nghiệp khác phát sinh tại trường.

5. Thủ trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng công việc tình hình thực hiện của năm trước, quyết định phương thức khoán chi phí cho từng cá nhân, bộ phận như: sử dụng văn phòng phẩm, khoán điện thoại, khoán công tác phí nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí của nhà trường.

6. Thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đơn vị, cá nhân phải bảo đảm có chứng từ, hoá đơn hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật, trừ các khoản thanh toán văn phòng phẩm, chi phí thuê mướn vận chuyển thanh toán công tác phí được Trường thực hiện chế độ khoán theo Quy chế chi tiêu nội bộ;

7. Không được dùng kinh phí của Trường để mua sắm thiết bị, đồ dùng, tài sản trang bị tại nhà riêng hoặc cho cá nhân mượn để sử dụng cho việc riêng dưới bất kỳ hình thức nào.

8. Trong trường hợp có sự thay đổi tiêu chuẩn, định mức chi theo chế độ từng khoản chi của nhà nước thì Thủ trưởng có thể điều chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội nghị liên tịch.

9. Toàn bộ nguồn thu, nội dung chi, trường thống nhất quản lý và hạch toán theo quy định của Luật kế toán 88/2015/QH13 Ngày 20/11/2015 có hiệu lực 01/01/2017 và Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực Kế toán nhà nước; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Căn cứ pháp lý để xây dựng quy chế

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 09 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về qui định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 5035/UBND-NX ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện, phân loại hàng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Văn bản số 2782/UBND-NV ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc thực hiện, phân loại hàng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc 3 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ Văn bản số 180/2018/UBND – VX ngày 13/01/2020 của UBND TP.HCM về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ – HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2018 của HĐND thành phố cho người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ – CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ và người làm việc tại các hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non 13 giai đoạn 2023 - 2025;



Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Căn cứ Biên bản họp toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
NGUỒN THU

Điều 5: Nguồn thu Ngân sách nhà nước cấp tự chủ

Kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ hàng năm do cấp có thẩm quyền giao: theo mã Chương 622; Ngành 071; mã nguồn kinh phí tự chủ 13 và nguồn cải cách tiền lương 14

Ngân sách cấp

a. Tồn năm 2023 chuyển sang : **1.731.710.781 đ**

Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ(Nguồn 13)	41.407.964 đ
- Nguồn Cải cách tiền lương (Nguồn 14)	1.690.302.817 đ
+ 10% Tiết kiệm chi thường xuyên	0 đ
+ Ngân sách cấp	1.690.302.817 đ

b. Kinh phí thường xuyên năm 2024: **13.741.838.000 đ**

Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ(Nguồn 13)	7.611.844.000 đ
- Nguồn Cải cách tiền lương (Nguồn 14)	6.129.944.000 đ
+ Nghị quyết 03/2018/NQ- HĐND:	4.881.630.000 đ
+ Chênh lệch mức lương cơ sở	1.248.364.000 đ

Điều 6: Nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

1. Nguồn thu Học phí :

- Mức thu từ Phụ huynh học sinh: từ 160.000 đồng đến 200.000 đồng/học sinh/tháng.

- Hỗ trợ học phí từ ngân sách: từ 100.000 đồng đến 140.000 đồng/học sinh/tháng.

2. Thu tiền dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục):

- Từ 01/01/2024 - 31/05/2024:

1. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động ngoài giờ chính khóa

- Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa:

+ Năng khiếu (Võ, vẽ, nhịp điệu): 80.000 đồng/học sinh/tháng/môn

+ Kỹ năng sống: 69.000 đồng/học sinh/tháng

- Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài: 360.000 đồng/học sinh/tháng

2. Các hoạt động thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú: 430.000 đồng/học sinh/tháng

- Phục vụ ăn sáng: 132.000 đồng/học sinh/tháng

- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú: 230.000 đồng/học sinh/năm

3. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

- Tiền mua sắm đồng phục học sinh: 150.000 đồng/học sinh/bộ

- Học phẩm: 50.000 đồng/học sinh/năm

- Học cụ - Học liệu: 100.000 đồng – 324.000 đồng/học sinh/năm

- Suất ăn trưa bán trú: 33.000 đồng/học sinh/ngày

- Suất ăn sáng: 18.000 đồng/học sinh/ngày

- Nước uống: 17.000 đồng/học sinh/ngày

- Khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường): 40.000 đồng/học sinh/năm (2 lần, 1 lần 20.000 đồng)

- Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 20.000 đồng/học sinh/tháng

3. Các khoản thu khác

- Tiền sinh viên thực tập: 70.000.000 đồng

- Lãi tiền gửi ngân hàng: 2.000.000 đồng

- Thanh lý tài sản công: 300.000 đồng

Mục 2

NỘI DUNG CHI

Điều 7: Nội dung chi thường xuyên giao tự chủ:

1. Chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ được giao từ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 2, điều 5 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trường

hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.

2. Chi từ nguồn dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: căn cứ khoản 3, điều 6 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các khoản chi để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ Tự Kiểm tra Tài chính, kế toán đầy đủ, định kỳ; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai được Nhà nước giao quản lý, sử dụng; nguồn tài chính tại đơn vị theo quy định của pháp luật

Điều 8. Các nội dung thanh toán cho cá nhân:

Mục 6000: Tiền lương : 3.200.000.000

Trường đảm bảo mức lương cơ bản theo qui định hiện hành cho VC-NLĐ

Tiền lương = Hệ số lương x Mức lương cơ sở

Mục 6100: Phụ cấp lương: 1.860.204.000

- Phụ cấp chức vụ: theo quy định Nhà nước: Hệ số x mức lương cơ sở:
 - + Hiệu trưởng: 0,5
 - + Phó hiệu trưởng: 0,35
 - + Tổ trưởng chuyên môn: 0,2
 - + Tổ phó chuyên môn: 0,15
- Phụ cấp thâm niên vượt khung: thực hiện theo qui định.
- Phụ cấp thâm niên nhà giáo: thực hiện theo qui định
- Phụ cấp trách nhiệm :
 - + Phụ trách kế toán: thực hiện theo qui định
 - + Phụ cấp hướng dẫn tập sự: theo quy định
- Phụ cấp ưu đãi ngành giáo dục: 35% theo quy định của ngành cho Giáo viên trực tiếp đứng lớp, Ban giám hiệu được phân công dạy.
- Phụ cấp làm thêm giờ: theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/02/2013 và Bộ Luật lao động năm 2019.

- Các phụ cấp khác theo đúng qui định.

Mục 6200 : Tiền thưởng: 43.920.000 đồng

+ Tiền thưởng: Theo Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

- Chiến sĩ thi đua quận: 1 lần x ML cơ sở

- Lao động tiên tiến: 0,3 lần x ML cơ sở

Mục 6300: Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (23.5%): 940.000.000

Trích nộp kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn theo quy định hiện hành.

Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân: 82.800.000

- Tiền trợ cấp tết : theo qui định hiện hành.

Điều 9. Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

1. Đối tượng là viên chức:

Chi thu nhập tăng thêm viên chức theo quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại cán bộ viên chức của nhà trường năm 2023 và được tính từng quý như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024;

Trên cơ sở Quyết định công nhận kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của Hiệu trưởng trường Mầm non 13 (kèm Danh sách cụ thể từng người):

- Cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá phân loại **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** được hưởng **1.5 x Tiền lương theo ngạch bậc chức vụ** (bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung)

- Cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá phân loại **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”** được hưởng **1.5 x 80% x Tiền lương theo ngạch bậc chức vụ** (bao gồm lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung)

* *Nguồn kinh phí thực hiện:* nguồn cải cách tiền lương của đơn vị

2. Đối với đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể:

- Đối với đối tượng là người được tuyển dụng vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ký hợp đồng thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ

và chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ:

- Về thực hiện đánh giá:

Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân quận về việc đánh giá, phân loại hàng quý đối với người được tuyển dụng vào làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 5035/UBND-NX ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện, phân loại hàng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội;

- Về mức chi:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với lao động hợp đồng theo diện hỗ trợ, phục vụ: NV nấu ăn, NV phục vụ

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** được hưởng tối đa 9.000.000 đồng/quý (Tính theo ngày công thực tế làm việc)

- Người được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ được đánh giá **“Hoàn thành tốt nhiệm vụ”** được hưởng tối đa 7.200.000 đồng/quý (Tính theo ngày công thực tế làm việc)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị

Điều 10: Các nội dung chi hoạt động:

Mục 6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng (4.680.000 đồng/ người, 5 người):

$$\text{Tiền lương} = 4.680.000 \times 5 \times 12 = 280.800.000$$

Mục 6250: Phúc lợi tập thể: 10.000.000

- Tiền thuốc y tế : 3.000.000đ – 5.000.000đ/năm

- Tiền hóa chất VS phòng dịch: 1.000.00 đ- 5.000.000đ/năm

Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng : 205.000.000

Tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết kiệm điện ,nước thông qua các định mức cụ thể :

- Điện: Các GV, CNV ra khỏi phòng phải tắt các thiết bị sử dụng điện (quạt, đèn...): 100.000.000đ- 120.000.000 đ/năm

- Nước: Các bộ phận thường xuyên kiểm tra việc sử dụng nước, các hệ thống đóng, khóa, mở nguồn nước: 40.000.000đ- 60.000.000 đ/năm

- Nhiên liệu: 1.000.000đ- 5.000.000 đ/năm

- Vệ sinh, môi trường xét nghiệm mẫu nước, đổ rác, thuốc hủy mầm cầu, chống mối mọt, thuốc trừ sâu, thuốc xịt kiến muỗi chuột thuốc trừ cỏ, phân bón cây và các vật dụng vệ sinh thanh toán theo thực tế: 10.000.000đ- 20.000.000 đ/năm

Mục 6550: Vật tư văn phòng: 53.000.000

Căn cứ giấy đề nghị mua Văn phòng phẩm được Thủ trưởng duyệt, cấp phát theo thực tế sử dụng cho các hoạt động quản lý chuyên môn của nhà trường

- Văn phòng phẩm: 20.000.000đ-25.000.000 đ/năm

- Công cụ, dụng cụ,... văn phòng: 10.000.000đ- 20.000.000 đ/năm

- Vật tư văn phòng khác(bao rác, găng tay y tế,): 5.000.000đ -8.000.000 đ/năm

Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc : 14.700.000

Hiệu trưởng có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng phương tiện thông tin liên lạc trong đơn vị mình.

- Điện thoại: 1.000.000đ – 2.000.000đ/năm

- Sách báo tạp chí thư viện : 2.000.000đ-5.000.000 đ/năm

- Tuyên truyền giáo dục PL : 2.000.000đ- 2.700.000 đ/năm

- Thuê bao cáp truyền hình, Internet: 1.000.000đ-5.000.000 đ/năm

Mục 6650: Hội nghị: 5.000.000

Căn cứ *Thông tư số 40/2017/TT-BTC* ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị)

Hội nghị CBCC: chi đặt băng rôn trang trí hội nghị hoặc thuê hội tổ chức hội nghị (nếu có) thanh toán theo thực tế.

Mục 6700: Công tác phí: 12.000.000

Căn cứ *Thông tư số 40/2017/TT-BTC* ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị):

- Viên chức thường xuyên đi công tác, giao dịch trong tháng được khoán tiền công tác phí 500.000 đồng/tháng để mua nhiên liệu và phí gửi xe, bao gồm: Kế toán, Văn thư

Mục 6750: Chi phí thuê mướn : 95.000.000

- Thuê phương tiện vận chuyển: 3.000.000đ- 10.000.000 đ/năm

- Thuê đào tạo lại cán bộ: 5.000.000 đ- 25.000.000 đ/năm

- Chi tham gia các lớp do cấp trên tổ chức như : kiến thức vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của lãnh đạo ngành định mức chi trả 100%: 20.000.000

- Chi phí thuê mướn khác (diệt chuột, xịt muỗi, mé nhánh cây, sửa chữa nhỏ, thuê xe chở hàng, thuê khoán công việc...) : 10.000.000đ - 20.000.000đ/năm

- Khác (Chặt cây, vận chuyển, thông cầu cống,): 10.000.000đ -20.000.000 đ/năm

Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ các công tác chuyên môn và công trình cơ sở hạ tầng (theo nhu cầu thực tế) : 175.000.000

- Máy móc, thiết bị: 20.000.000 đ-30.000.000 đ/năm

- Nhà cửa: 20.000.000đ- 25.000.000 đ/năm

- Thiết bị PCCC: 5.000.000đ- 20.000.000 đ/năm

- Thiết bị tin học : 15.000.000đ-20.000.000 đ/năm

- Máy bơm nước : 5.000.000đ- 20.000.000 đ/năm

- Bảo trì và hoàn thiện phần mềm vi tính: 15.000.000đ-20.000.000 đ/năm

- Đường điện cấp thoát nước : 10.000.000đ-20.000.000 đ/năm

- Công trình cơ sở hạ tầng khác: 6.000.000đ-20.000.000 đ/năm

Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn : 217.500.000

Chi theo nhu cầu thực tế phục vụ cho các hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, giảng dạy và học tập của học sinh trên cơ sở các qui định hiện hành của nhà nước như:

- Chi mua hàng hóa vật tư chuyên môn: 5.000.000 đ-15.000.000 đ

- Mua đồ dùng dạy học: 15.000.000 đ-20.000.000 đ/năm

- Mua đồ dùng đồ chơi cho các lớp: 15.000.000đ-20.000.000đ/năm

- Bổ sung kệ góc chơi, bảng biểu...: 5.000.000đ- 15.000.000đ/năm

- Trang thiết bị chuyên dụng (không phải TSCĐ: trang bị khác...): 10.000.000 đ – 25.000.000 đ

- In , photo tài liệu chuyên môn.: 5.000.000 đ- 8.500.000 đ

- Trang phục bảo vệ: 1.000.000-5.000.000 đ/năm

- Trang phục giáo viên, cấp dưỡng trong đơn vị: 500.000 đồng – 1.000.000 đồng/ người/ năm: 54.000.000

- Bảo hộ lao động: mũ nón, tạp dề, khẩu trang,.. (cấp dưỡng) 2.000.000 đ- 5.000.000 đ/ năm

- Sách tài liệu dùng cho CM: 5.000.000 đ- 10.000.000 đ/năm

- Chi mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin: 10.000.000 đ- 15.000.000 đ/năm

- Chi phí khác: thuốc y tế học sinh, tiền các hoạt động lễ hội cho học sinh: Trung thu, 20/11, 22/12, tết tây, tết cổ truyền, 8/3, giỗ tổ Hùng Vương, Quốc tế thiếu nhi 1/6...: 20.000.000 đ – 30.000.000 đồng

Mục 7750: Chi khác: 49.000.000

Chi mua bảo hiểm tài sản và phương tiện: 500.000đồng – 10.000.000đồng/năm

Chi khác (mua cây kiểng, phân bón,...): 10.000.000đồng-35.000.000/năm

Chi tiếp khách (7761): bánh, trà nước tiếp đoàn kiểm tra, học tập, tham dự chuyên đề....: từ 1.000.000 đồng - 4.000.000 đồng/năm.

Mục 8049: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm: Trợ cấp thôi việc 10.000.000-50.000.000 đồng (nếu có phát sinh viên chức, người lao động thôi việc)

Điều 11: Nội dung chi từ nguồn thu sự nghiệp (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước)

1. Chi từ nguồn thu học phí: (theo dự toán thu - chi học phí năm học 2023-2024)

Áp dụng theo dự toán thu – chi nguồn thu học phí, cụ thể:

- + Trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định : 745.200.000 đồng
- + Chi cho Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên trực tiếp thực hiện cho công tác giảng dạy; chi hoạt động dạy và học : 453.600.000 đồng
- + Chi quản lý cho (Hiệu trưởng, kế toán) , lương Hợp đồng, kiêm nhiệm (Thư ký HĐSP, TB TTND, TB học cụ, TB văn nghệ, tưới cây, Y tế, , Pháp luật, Thủ kho vật dụng bán trú, vệ sinh), Trợ cấp tết cho Hợp đồng, thưởng Học kì theo đánh giá thi đua, hỗ trợ hằng quý cho HĐ 111 theo diện chuyên môn nghiệp vụ (theo đánh giá và ngày công thực tế),; Cuối mỗi kì dư chi thêm cho VC- NLĐ 500.000 – 3.000.000 đồng,..... : 441.940.000 đồng
- + Chi nghiệp vụ chuyên môn : Tập huấn, hỗ trợ Bồi dưỡng thường xuyên, hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng 20% - 100% cho GV, NV được cử đi học, thanh toán theo hóa đơn thực tế, chi phí khác,.. : 75.000.000 đồng
- + Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động : Điện, nước, VPP ; Mua sắm sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị văn phòng, PCCC, hệ thống điện, đường ống nước : 75.000.000 đồng

+ Thuế TNDN 2% : 37.260.000 đồng

2. Chi từ nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (Các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục): Theo Dự toán thu chi năm học 2023-2024 đã thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo và thống nhất với từng phụ huynh học sinh.

a. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa:

- Tổ chức dạy các lớp năng khiếu (Võ, Vẽ, Nhịp điệu):

+ Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): 405.000.000 đồng

+ Chi cho bộ phận CB – GV- NV trên tổng số học sinh trong tháng; cuối năm học dư chi thêm 200.000 – 1.000.000 đồng/người: 135.000.000 đồng

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: 54.000.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, trích khấu hao tài sản: 67.500.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 13.500.000 đồng

- Tổ chức dạy Kỹ năng sống:

+ Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): 223.653.150 đồng

+ Chi cho bộ phận CB – GV- NV: 14.910.210 đồng

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: 4.970.070 đồng

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, trích khấu hao tài sản: 3.727.553 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 5.071.500 đồng

- Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài

+ Chi thanh toán cá nhân (giáo viên giảng dạy trực tiếp - giáo viên hợp đồng công ty thuê ngoài): 918.000.000 đồng

+ Chi cho bộ phận CB – GV- NV trên tổng số học sinh trong tháng; cuối năm học dư chi thêm 500.000 – 2.000.000 đồng/người,...: 54.000.000 đồng

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: 21.600.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động, trích khấu hao tài sản: 64.800.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 21.600.000 đồng

b. Tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè:

+ Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy đứng lớp: 640.000.000 đồng

+ Chi cho bộ phận gián tiếp (CB- NV); lương Hợp đồng; Kết thúc dạy dư chi thêm 500.000 – 4.000.000 đồng/người,...: 379.200.000 đồng

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: Tập huấn vệ sinh, an toàn trường học, an toàn thực phẩm, chi phí khác,...: 45.200.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: điện, nước; mua sắm vật tư; sửa chữa thiết bị, cơ sở vật chất, trích khấu hao tài sản: 190.000.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 25.600.000 đồng

c. Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú :

+ Chi phụ cấp công tác của Cán bộ - Giáo viên - Nhân viên trong toàn trường : 650.000.000 đồng

+ Chi quản lý: CB- NV ; chi lương Hợp đồng, kiêm nhiệm (Thư ký HĐSP, TB TTND, TB học cụ, TB văn nghệ, tưới cây, Y tế, , Pháp luật, Thủ kho vật dụng bán trú, vệ sinh), Trợ cấp tết cho Hợp đồng, hỗ trợ hàng quý cho HĐ 111 theo diện chuyên môn nghiệp vụ (theo đánh giá và ngày công thực tế), Cuối mỗi kì dư chi thêm cho VC- NLĐ 500.000 – 4.000.000 đồng,..... : 1.097.000.000 đồng

+ Chi nghiệp vụ chuyên môn: Tập huấn vệ sinh, an toàn trường học, an toàn thực phẩm, chi phí khác,...: 35.620.000 đồng

+ Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động: điện, nước, VPP; mua sắm vật tư, vật dụng, balo học sinh, đồng phục văn nghệ; sửa chữa thiết bị, cơ sở vật chất và trang thiết bị, trích khấu hao tài sản: 390.500.000 đồng

+ Chi tiền đồ dùng vệ sinh phục vụ học sinh bán trú: xà bông giặt, nước tẩy, vôi, xít muối, xà bông rửa tay, sữa tắm, thuốc sô giun, giấy vệ sinh, nước rửa chén, bao tay, túi rác nilong,.....: 261.200.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 49.680.000 đồng

d. Tổ chức công phục vụ ăn sáng :

+ Chi Giáo viên – Nhân viên trực tiếp đứng lớp, chia theo tỷ lệ và sĩ số học sinh hàng tháng: 378.000.000 đồng

+ Chi quản lý: CB- NV, lương Hợp đồng, Cuối năm học dư chia đều hết cho CB- GV- NV..... : 239.400.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 12.600.000 đồng

e. Tổ chức mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú:

+ Chi Mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú trong 1 năm học đối với một học sinh (nệm, chăn, gối, khăn mặt, bát, đĩa, khay, đũa, muỗng, ly, cốc...phục vụ học sinh bán trú): 155.526.000 đồng

+ Thuế TNDN (2%): 3.174.000 đồng

f. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh:

- Tiền mua sắm đồng phục học sinh: 103.500.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Học phẩm: 34.500.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Học cụ học liệu: 183.201.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Tiền suất ăn trưa bán trú: 4.508.460.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Tiền suất ăn sáng: 1.782.000.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Tiền nước uống: 105.570.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (2 lần/năm): 27.600.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

- Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 110.400.000 đồng (đóng thuế TNDN 2%)

3. Chi từ nguồn khác:

a. Sinh viên thực tập:

+ Chi thanh toán cá nhân : Ban giám hiệu, GV hướng dẫn, dạy mẫu; Phụ trách Đoàn đội; Hỗ trợ bảo vệ; Hỗ trợ công tác hành chính, tài chính: 63.700.000 đồng

+ Chi VPP, đồ dung dạy học, hoạt động tổng kết: 4.900.000 đồng

+ Thuế TNDN 2%: 1.400.000 đồng



b. Lãi tiền gửi ngân hàng:

+ Đưa vào quỹ Hoạt động sự nghiệp: 2.000.000 đồng

c. Thanh lý tài sản công:

+ Đưa vào quỹ Hoạt động sự nghiệp: 300.000 đồng

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG KINH PHÍ THẶNG DƯ

Điều 12: Phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm (bao gồm nguồn chênh lệch thu chi từ hoạt động dịch vụ khác)

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị được sử dụng theo thứ tự như sau:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: Trích lập tối thiểu 10%.

2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

- Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: Được chi thu nhập bình quân tăng thêm không quá 0,3 lần quỹ lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị.

3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi

Mức trích tổng hai quỹ như sau: Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: Trích lập tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị.

4. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

5. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Dự kiến số phân phối kết quả tài chính trong năm:

Thu (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) – Chi (NS nguồn 13 + học phí + dịch vụ) = tồn
(7.653.251.964 + 2.210.000.000 + 4.209.856.000) – (7.414.004.000 + 2.065.000.000 + 3.864.856.000) = 729.247.964

Dự kiến trích lập:

1. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 10 %

2. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm: 45 % (trong đó: trích Quỹ bổ sung thu nhập 1%; Chi thu nhập tăng thêm: 44%).

3. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: 45 % (trong đó: trích Quỹ khen thưởng 4 %, Quỹ Phúc lợi 41%).

4. Phần chênh lệch thu chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 13: Sử dụng các quỹ

13.1: Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp:

Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Chi hỗ trợ từ 20% -100% học phí học tập nâng cao trình độ tập huấn các lớp nghiệp vụ cho Công chức, viên chức và người lao động (theo đúng chuyên ngành công tác) theo văn bản chỉ đạo của cấp trên hoặc theo quyết định của Hiệu trưởng.theo biên lai thu học phí.

- Đầu tư, phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật Công nghệ, huấn luyện nâng cao tay nghề năng lực cho cán bộ: từ 10.000.000đồng – 100.000.000đồng.

- Chi tiết mua sắm sửa chữa theo kế hoạch như sau:

- + Chi mua máy xay sinh tố, máy vắt cam, ghế ngồi học sinh.: 20.000.000 – 50.000.000 đồng

- + Chi sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa khác: 30.000.000 – 80.000.000 đồng

13.2 Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

+ Quỹ bổ sung thu nhập

Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác.

+ Phương án chi thu nhập tăng thêm

Trả thu nhập tăng thêm cả năm từ nguồn NSNN: xây dựng phương án chi trả thu nhập tăng thêm cụ thể cho người lao động gồm:

- Lao động trong biên chế

- Lao động hợp đồng 111 và hợp đồng từ 01 năm trở lên.

Cuối năm, sau khi chi lương và các khoản chi hoạt động, tùy vào số kinh phí tiết kiệm được, sẽ chi thu nhập tăng thêm cho CB-GV-NV. Căn cứ vào qui chế chi tiêu nội bộ năm 2024 và ý kiến thống nhất của tất cả các thành viên trong tập thể sư phạm nhà trường, mức thu nhập tăng thêm năm 2024 sẽ chia cụ thể như sau:

Hệ số công việc được tính theo hệ số điều chỉnh như sau:

- Hiệu trưởng : 1.5
- Phó hiệu trưởng : 1.4
- Giáo viên + Nhân viên+ lao động hợp đồng : 1.3

(Hệ số điều chỉnh x số tháng thực tế làm việc trong năm)

+ Trường hợp hộ sản và nghỉ việc, chỉ được tính TNTT những tháng trong năm có tham gia công tác, số tháng nghỉ hộ sản, nghỉ không hưởng lương sẽ không được hưởng TNTT.

Thời điểm chi thu nhập tăng thêm: Cuối năm tài chính, sau khi hoàn thành nhiệm vụ chi thường xuyên trong năm.

13.3 Quỹ khen thưởng

1/ Khen thưởng thi đua: được căn cứ vào kết quả bình bầu xếp loại hàng tháng thông qua kết quả thi đua học kì

Hoàn thành XS NV (A): Từ 300.000 – 3.000.000đ/người/Học kì

Hoàn thành tốt nhiệm vụ (A⁻), 80% xếp loại A: Từ 240.000 – 2.400.000đ/người/HK

Hoàn thành nhiệm vụ (B), 50% xếp loại A: Từ 150.000 – 1.500.000đ/người/HK

Không hoàn thành nhiệm vụ : (Không khen thưởng)

Thời điểm khen thưởng: Cuối mỗi học kỳ năm học sau khi có Quyết định khen thưởng của Hiệu trưởng

2/ Khen thưởng đột xuất:

- Khen thưởng cá nhân có đóng góp tích cực trong các hoạt động, chuyên đề và phong trào của nhà trường, tổ trưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các tổ chuyên môn xuất sắc trong năm học: 100.000 – 1.000.000 đ/người; 300.000 đ – 500.000đ/tổ.

- Khen thưởng VC - NLĐ tự học tự rèn đạt khá, giỏi : 100.000 – 300.000 đ/người/lần

- Khen thưởng đột xuất: Hiệu trưởng cùng BCH công đoàn QĐ: 100.000đ- 500.000đ/người.

Thời điểm khen thưởng: Khen thưởng tại thời điểm lập thành tích

13.4. Quỹ phúc lợi

Chi cho đội ngũ Viên chức và người lao động trong nhà trường:

1/ Hỗ trợ các ngày lễ: tết Dương lịch, mừng 10/3 âm lịch, 30/4, 1/5, 2/9,: từ 200.000đ – 1.000.000đ/người/ngày lễ (nếu có)

2/ Hỗ trợ trực lễ trong năm cho Bảo vệ: 200.000đ- 1.000.000 đ/ người/lễ (Theo lịch trực được phân công)

3/ Lễ 20/11 từ 300.000đ – 500.000đ/người/ngày lễ

4/ Trợ cấp tết Nguyên đán cho Hợp đồng 100.000đ – 3.000.000đ/người/ lễ

5/ Hợp mặt đầu năm: 200.000đ- 300.000 đ/ người/lần

6/ Đồng phục cho CB-VC-NLĐ toàn trường : từ 300.00đ – 1.000.000đ/người/năm

7/ Khám sức khỏe tổng quát: 200.000 - 500.000đ/người/lần

8/ Hỗ trợ đời sống cho công nhân viên trường tự hợp đồng cuối năm tài chính từ 500.000 đ- 8.000.000 đ/năm (nếu có)

9/ Tham quan hè: 2.000.000 - 7.000.000đồng/ người, nếu không tham quan thì không được hưởng, trừ những trường hợp sau:

* 01 Bảo vệ trực trường được hưởng 100% suất

* Phải làm công tác do cấp trên điều động: Làm nhiệm vụ công tác, hội họp, học tập trong lúc trường tổ chức đi tham quan được hưởng 100% suất

* Nữ đang nghỉ thai sản theo đúng chế độ (sinh con lần 1, lần 2) được hưởng 100 % suất

* Gia đình có tang chế (tứ thân phụ mẫu, vợ, chồng, con ruột) , bản thân bị ốm nằm viện có giấy xuất viện của bệnh viện, nếu đã đăng kí tham quan được hưởng 100% suất .

Căn cứ tình hình thực tế nếu không tổ chức tham quan được do các yếu tố khách quan (Thiên tai, dịch bệnh....): Hỗ trợ mỗi CB-GV-NV chuyển khoản tiền chia đều từ 500.000đ – 3.000.000đ

Hình thức thanh toán: chuyển trả vào tài khoản cá nhân những trường hợp trên

Điều 14: Quy định về việc lựa chọn ngân hàng thương mại:

1. Đơn vị mở tài khoản đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại kho bạc: 3714.0.1009694.00000 – KBNN quận Tân Bình

2. Đơn vị mở tài khoản chuyên thu đối với học phí theo mức giá quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại ngân hàng: Agribank- CN An Phú: Số tài khoản 1606201050550 và định kỳ nộp vào tài khoản tiền gửi của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.

3. Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, gồm: kinh phí ngân sách nhà nước cấp: 9523.3.1009694; 9527.2.1009694 đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để quản lý; ngân hàng chi lương cho VC- NLĐ: 117 000 031 218 tại NH VietinBank- CN12.

4. Các Quỹ được trích lập theo quy định tại Nghị định này được gửi tiền tại:

Tại Ngân hàng, số tài khoản: 116002962061 – Ngân hàng Vietinbank- CN 12.

Điều 15: Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định

Theo Quy định tại Mục 13 Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-

BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022: “Quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán; tiêu chuẩn, định mức quy định”

Trường hợp vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ được xử lý như sau:

1. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công có liên quan đến các lĩnh vực đã có quy định của Nhà nước thì phải xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Nếu vi phạm quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công ngoài vi phạm nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ để xử lý.

CHƯƠNG IV **TRÁCH NHIỆM CỦA THỦ TRƯỞNG** **VÀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Điều 16.

1. Thủ trưởng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các bộ phận trong việc thực hiện các chế độ về tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã được ban hành.

b) Quản lý điều hành mọi hoạt động thu chi về tài chính của nhà trường theo đúng quy định.

c) Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn xem xét và giải quyết các quyền lợi liên quan đến công chức, viên chức, người lao động.

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về tài chính của đơn vị.

e) Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

f) Thực hiện quy định công khai; trách nhiệm giải trình hoạt động và số liệu thu, chi khi lập phương án tự chủ tài chính của đơn vị trước cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Định kỳ hằng năm, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị cho cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Cán bộ, viên chức có trách nhiệm:

a) Cán bộ, viên chức đã thống nhất về những nội dung của quy chế chi tiêu nội bộ. b) Cán bộ, viên chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ này theo quy định.

CHƯƠNG V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Tổ chức thực hiện

+ Về nguồn thu dịch vụ: Trường tập trung khai thác nguồn thu trong phạm vi cho phép, giáo viên ở các lớp phối hợp cùng kế toán của trường nhắc nhở phụ huynh đóng các khoản tiền hàng tháng đầy đủ và kịp thời để phòng kế toán quyết toán đúng thời gian quy định;

+ Xây dựng định mức chi: Dựa vào tiêu chuẩn định mức của nhà nước quy định từ đó đơn vị thảo luận thống nhất xây dựng mức chi chưa có quy định của nhà nước theo tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị.

Điều 18. Quy định điều khoản thi hành

Quy chế chi tiêu nội bộ này được nhất với Công đoàn Nhà trường và thảo luận rộng rãi công khai tại Hội nghị cán bộ, viên chức của Nhà trường và chính thức thông qua Hội đồng Trường trước khi ban hành.

Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành và được áp dụng từ ngày 01/01/2024; mọi quy định trước đây của trường trái với Quy chế chi tiêu nội bộ này đều bị bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung sửa đổi để Quy chế chi tiêu nội bộ ngày một phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

Quy chế này được gửi đến cơ quan tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản, thông báo toàn trường theo quy định hiện hành./.

TRƯỜNG MẦM NON 13.

